

17. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 6 tháng năm 2018

	Thực hiện 6 tháng năm 2017 (Triệu đồng)	Ước tính 6 tháng năm 2018 (Triệu đồng)	Ước tính thực hiện kỳ báo cáo □	
			So với cùng kỳ năm trước (%)	So với dự toán (%)
Tổng thu	2,477,944	4,100,499	165.48	68.00
Tổng các khoản thu cân đối NSNN	2,450,597	4,091,957	166.98	69.00
Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	2,198,246	3,791,957	172.50	71.00
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	164,894	164,116	99.53	36.00
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước Địa phương	192,000	245,272	127.75	59.00
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	48,138	144,737	300.67	58.00
Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	565,467	572,144	101.18	45.00
Lệ phí trước bạ	114,653	160,837	140.28	64.00
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	76	-	-	
Thuế SD đất phi nông nghiệp	413	504	122.03	17.00
Thuế thu nhập cá nhân	183,484	224,909	122.58	58.00
Thuế bảo vệ môi trường	48,471	67,317	138.88	52.00
Thu phí và lệ phí	46,650	49,001	105.04	44.00
Tiền sử dụng đất	443,707	1,160,231	261.49	96.00
Thu tiền cho thuê đất	78,016	528,050	676.85	251.00
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	18,253	24,169	132.41	101.00
Thu xổ số kiến thiết	216,453	244,608	113.01	56.00
Thu khác	73,266	69,841	95.33	43.00
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	4,305	5,221	121.28	41.00
Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	-	131,000	-	873.00
Thu từ Hải quan	252,351	300,000	118.88	50.00
Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	27,347	8,542	31.24	17.00